

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 48/2024/DS-ST

Ngày: 30-8-2024

V/v“Tranh chấp về hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Viết Tuấn

Ông Huỳnh Hoàng Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp về hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp X, xã V, huyện V, tỉnh Long An. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V1, sinh năm 1978 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1977. Cùng địa chỉ: Ấp X, xã V, huyện V, tỉnh Long An. Ông V1 có mặt; bà H vắng mặt.

Người làm chứng:

Bà Đường Thị Ngọc T, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp X, xã V, huyện V, tỉnh Long An. Có mặt.

Ông Nguyễn Mạnh Q, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện V, tỉnh Long An. Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:

Năm 2019 - 2020, bà L có tham gia 07 dây hụi do bà Phạm Thị H làm đầu thảo, hụi đang hoạt động bình thường thì bà H tự ý ngưng khai hụi nên bà L khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn V1 liên đới trả lại tổng số tiền hụi đã đóng.

Theo đơn khởi kiện ngày 04/01/2024, bà L yêu cầu ông Nguyễn Văn V1 và bà Phạm Thị H trả số tiền hụi bà L1 đóng cho 07 dây hụi là 229.600.000 đồng. Không yêu cầu lãi suất. Tại phiên tòa, bà L yêu cầu ông V1, bà H trả số tiền 220.060.000đồng. Cụ thể:

Dây hụi quý 5.000.000đồng, bắt đầu khai hụi ngày 01/9/2021, 1 năm khai 4 lần, 03 tháng khai 1 lần, gồm 16 phần, bà L tham gia 1 phần. Tên trong danh sách hụi là bà 6 Lạng, đóng hụi được 08 lần, với số tiền 26.750.000đồng;

Dây hụi vụ 10.000.000đồng, 1 năm khai 2 lần (đông xuân và hè thu) bắt đầu khai vụ đông xuân 2023 hụi có dây 1, dây 2 và dây 3. Bà L tham gia dây 1 và dây 3. Cụ thể: Dây 1, gồm 13 phần, tên trong danh sách hụi là bà 6 Lạng, đóng hụi được 02 lần, với số tiền 11.200.000đồng; Dây 3, gồm 13 phần, tên trong danh sách hụi là bà 6 Lạng, đóng hụi được 02 lần, với số tiền 11.350.000đồng;

Dây hụi vụ 5.000.000đồng, 1 năm khai 2 lần (đông xuân và hè thu), bắt đầu khai hụi vụ đông xuân 2019, gồm 15 phần, bà L tham gia 1 phần, trong danh sách hụi bà H ghi bà 6 Lạng, đóng hụi được 10 lần, với số tiền 24.550.000đồng;

Dây hụi vụ 5.000.000đồng (trong đơn khởi kiện và bản tự khai do đánh máy nhầm nên ghi hụi 10.000.000đồng), 1 năm khai 2 lần (đông xuân và hè thu), bắt đầu khai hụi vụ đông xuân 2020, gồm 15 phần, bà L tham gia tham gia 1 phần, trong danh sách hụi bà H ghi bà 6 Lạng, đóng hụi được 08 lần, với số tiền 22.450.000đồng;

Dây hụi tháng 2.000.000đồng, 1 tháng khai 1 lần, bắt đầu khai hụi ngày 15/12/2021, gồm 23 phần, bà L tham gia 2 phần. Tên trong danh sách hụi bà H ghi bà 6 Lạng, đóng hụi được 19 lần, lần thứ 20 bà L bỏ thăm số tiền 350.000đồng được hốt hụi, nhưng bà H không giao hụi, bà L đã đóng hụi cho bà H 19 lần với số tiền $31.240.000đồng \times 2 \text{ phần} = 62.480.000đồng$;

Dây hụi tháng 2.000.000đồng, 1 tháng khai 1 lần, bắt đầu khai hụi ngày 05/3/2022, bà L tham gia 2 phần. Tên trong danh sách hụi bà H ghi bà 6 Lạng, đóng hụi được 17 lần, đến tháng 7/2023 thì bà H ngưng khai hụi. Dây hụi này đã đóng số tiền là $26.840.000đồng \times 2 \text{ phần} = 53.680.000đồng$.

Dây hụi 1.000.000đồng, 1 tháng khai 1 lần, bắt đầu khai hụi ngày 10/10/2022, gồm 20 phần, bà L tham gia 1 phần. Tên trong danh sách hụi bà H ghi bà 6 Lạng, đóng hụi được 10 lần, với số tiền 7.600.000đồng.

Ông Nguyễn Văn V1 trình bày: Ông V1 với bà H là vợ chồng hợp pháp. Ông V1 biết bà H có mở nhiều dây hụi có nhiều người tham gia, bà H có sổ hụi theo dõi các dây hụi và ông V1 đã nộp cho Tòa án trong quá trình các hụi viên

khởi kiện. Trước yêu cầu của bà L, ông V1 xác nhận bà L có tham gia 07 như bà L trình bày. Nay ông V1 đồng ý liên đới cùng bà H trả lại cho bà L số tiền hội đã đóng là 220.060.000đồng.

Bà Phạm Thị H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến trước yêu cầu theo đơn khởi kiện của bà L.

Bà Đường Thị Ngọc T trình bày: Bà T có tham gia nhiều dây hội do bà H làm đầu thảo, trong đó bà có chơi chung với bà L các dây hội gồm: Dây hội vụ 10.000.000 đồng khu vụ đông xuân 2023; dây hội vụ 5.000.000 đồng khu vụ đông xuân 2019; Dây hội vụ 5.000.000 đồng khui vào vụ đông xuân 2020; Dây hội tháng 2.000.000 đồng khui vào ngày 15/12/2021 và dây hội tháng 1.000.000 đồng khu vào ngày ngày 10/10/2022. Bà T xác nhận bà L yêu cầu ông V1 và bà H trả tiền vốn bà L đã đóng đối với các dây hội có chơi chung với bà T là đúng.

Ông Nguyễn Mạnh Q trình bày: Ông Q có tham gia 02 dây hội tháng 2.000.000 đồng khui ngày 15/12/2021 và khui ngày 05/3/2022 do bà Phạm Thị H làm đầu thảo cùng với bà L. Bà L đã đóng tiền hội số tiền như bà L trình bày là đúng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn và bị đơn ông Nguyễn Văn V1 đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Phạm Thị H chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/01/2024, bà L yêu cầu ông Nguyễn Văn V1 và bà Phạm Thị H trả số tiền hội ông đã đóng cho 07 dây hội là 229.600.000 đồng. Không yêu cầu lãi suất. Tại phiên tòa hôm nay, bà L yêu cầu ông V1, bà H trả số tiền 220.060.000đ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn V1 đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn bà Phạm Thị H vắng mặt không lý do, không thể hiện ý kiến.

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc ông V1, bà H trả tổng số tiền cho 07 dây hội là 220.060.000 đồng. Cụ thể:

Dây hội quý 5.000.000đồng, bắt đầu khui hội ngày 01/9/2021, 1 năm khui 4 lần, 03 tháng khui 1 lần, gồm 16 phần, bà L chơi 1 phần. Tên tôi trong danh sách hội bà 6 Lạng đóng hội được 08 lần, với số tiền 26.750.000đồng;

Dây hội vụ 10.000.000đồng, 1 năm khui 2 lần (đông xuân khoảng tháng 02 âm lịch và hè thu khoảng tháng 5, tháng 6 âm lịch) bắt đầu khui vụ đông xuân 2023.

Bà L tham gia dây 1, gồm 13 phần, tên tôi trong danh sách hội là bà 6 Lạng, bà đóng hội được 02 lần, với số tiền 11.200.000đồng; Bà L tham gia dây

3, gồm 13 phần, tên tôi trong danh sách hội là bà 6 Lạng, bà đóng hội được 02 lần, với số tiền 11.350.000đồng.

Dây hội vụ 5.000.000đồng, 1 năm khui 2 lần (đông xuân và hè thu), bắt đầu khui hội vụ đông xuân 2019, gồm 15 phần, bà L tham gia 1 phần, danh sách hội bà H ghi bà 6 Lạng, đóng hội được 10 lần, với số tiền 24.550.000đồng;

Dây hội vụ 5.000.000đồng (trong đơn khởi kiện và bản tự khai do đánh nhầm nên ghi hội 10.000.000đồng), 1 năm khui 2 lần (đông xuân và hè thu), bắt đầu khui hội vụ đông xuân 2020, gồm 15 phần, bà L tham gia chơi 1 phần, danh sách hội bà H ghi bà 6 Lạng, đóng hội được 08 lần, với số tiền 22.450.000đồng;

Dây hội tháng 2.000.000đồng, 1 tháng khui 1 lần, bắt đầu khui hội 15/12/2021, gồm 23 phần, bà L tham gia 2 phần. Tên trong danh sách hội bà H ghi bà 6 Lạng, đóng hội được 19 lần, lần thứ 20 bà L bỏ thăm được hốt hội nhưng bà H không giao hội, đã đóng hội cho bà H 19 lần với số tiền 31.240.000đồng x 2 phần = 62.480.000đồng.

Dây hội tháng 2.000.000đồng, 1 tháng khui 1 lần, bắt đầu khui hội 05/3/2022, bà L tham gia 2 phần. Tên tôi trong danh sách hội bà H ghi bà 6 Lạng, đóng hội được 17 lần, đến tháng 7/2023 thì bà H ngưng khui hội, tiền hội đã đóng là 26.840.000đ x 2 phần là 53.680.000đồng.

Dây hội 1.000.000đồng, 1 tháng khui 1 lần, bắt đầu khui hội 10/10/2022, gồm 20 phần, bà L tham gia 1 phần. Tên trong danh sách hội bà H ghi bà 6 Lạng, đóng hội được 10 lần, với số tiền 7.600.000đồng.

Theo lời trình bày của nguyên đơn thì cách thức tham gia hội do bà Phạm Thị H làm thảo hội không lập thành văn bản, khi bỏ thăm hốt hội, đóng hội cũng không có ký tên; bà H chỉ lập danh sách thành viên tham gia dây hội và thông báo đến các hội viên về số lượng thành viên tham gia, số phần trong dây hội, số tiền cần đóng, các hội viên không cần trực tiếp tham gia bỏ hội với nhau mà tất cả các thông tin đều do bà H điện thoại thông báo. Đối chiếu sổ hội do bà H lập và lời trình bày của các người làm chứng (bà T, ông Q) cùng tham gia chung các dây hội với nguyên đơn và bản án 22/2024/DS-ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng đã có hiệu lực nhận thấy lời trình bày của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

Về nghĩa vụ liên đới của ông Nguyễn Văn V1: Ông V1 là chồng bà H, thời gian bà H làm chủ thảo hội thì giữa ông V1 và bà H vẫn còn là hôn nhân hợp pháp. Việc bà H làm thảo hội ông V1 có biết và ông cũng biết bà L, có tham gia rất nhiều dây hội do vợ ông làm đầu thảo. Trước yêu cầu của L, ông V1 đồng ý cùng bà H trả nợ nên yêu cầu của nguyên đơn buộc ông V1 trả nợ cùng bà H là có căn cứ chấp nhận.

Từ phân tích trên căn cứ Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 288, 471 của BLDS năm 2015; Điều 27 Luật HNGĐ; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày

19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, họ, biêu, phường đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về tranh chấp hụi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về hụi”. Bị đơn Nguyễn Văn V1 và bà Phạm Thị H cư trú tại ấp X, xã V, huyện V nên căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn bà Phạm Thị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị L yêu cầu ông Nguyễn Văn V1 và bà Phạm Thị H trả số tiền hụi bà đã đóng của 08 dây hụi là 229.600.000 đồng. Không yêu cầu lãi suất. Tại phiên tòa, bà L thay đổi yêu cầu khởi kiện: Điều chỉnh lại tổng số tiền yêu cầu bà H và ông V1 trả là 220.060.000 đồng do trước đây bà yêu cầu chưa chính xác. Xét thấy, việc nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện nằm trong giới hạn đơn khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Bà L khởi kiện bà H, ông V1 và cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm danh sách hụi, bảng kê số tiền hụi đã đóng, phù hợp với sổ hụi của bà H, lời khai của người làm chứng cũng như sự thừa nhận của ông Nguyễn Văn V1. Theo đó thể hiện số tiền hụi bà Trần Thị L đã đóng cho bà Phạm Thị H đối với 07 dây hụi là 220.060.000 đồng.

[3.3] Xét thấy, việc tổ chức chơi hụi chỉ theo tập quán ở địa phương và dựa vào niềm tin, việc tham gia hụi, giao tiền đóng hụi không thể hiện bằng biên nhận hay văn bản rõ ràng mà chỉ nói miệng với nhau hoặc tự ghi sổ theo dõi, tuy nhiên số tiền hụi nguyên đơn đã đóng cho bà H là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, bà H là đầu thảo tự ý ngưng khai hụi nên hụi viên yêu cầu trả lại tiền hụi đã đóng là có căn cứ nên chấp nhận.

[3.4] Về thực hiện nghĩa vụ liên đới: Do bà H và ông V1 là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn, quá trình bà H làm đầu thảo nhiều dây hụi thì ông V1 đều biết và bà H sử dụng tiền hoa hồng của chủ thảo để phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình nên việc nguyên đơn yêu cầu ông V1 có nghĩa vụ liên đới cùng bà H trả lại tiền hụi là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3.5] Về tiền lãi: Do bà L không yêu cầu về tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định tại các điều 471 Bộ luật Dân sự, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hui, họ, biêu, phường; nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các điều 357, 468 và 471 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hui, họ, biêu, phường; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L về việc Tranh chấp về hui với bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn V1.

Buộc bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn V1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị L số tiền 220.060.000 đồng (hai trăm mười hai triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn, nếu bị đơn chậm trả tiền cho nguyên đơn thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10%/năm.

2. Về án phí:

Buộc bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn V1 phải liên đới chịu 11.003.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả cho bà Trần Thị L 5.740.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai thu tiền số 0002449 ngày 18/01/2024.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại

phiên tòa thì có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Yến Linh